

Bản án số: **35/2023/KDTM-ST**
Ngày: 29/9/2023
V/v tranh chấp: hợp đồng mua bán
hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2023/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 194/2023/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần X. (có mặt)

Trụ sở: X BG, Phường NAN, thành phố VT, Tỉnh BRVT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn D

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1992

Địa chỉ: TN, xã NT, Huyện CD, tỉnh BRVT. (Theo Giấy ủy quyền không số, ngày 26/5/2022)

- Bị đơn: Công ty Cổ phần S (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ngọc G

Trụ sở: 49 Bến BD, phường M, Quận T, Thành phố M

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Ngọc G (vắng mặt)

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần S.

Địa chỉ thường trú: 18 NTH, phường COL, Quận M, Thành phố M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện ngày 15/8/2022 và bản tự khai ngày 20/3/2023* nguyên đơn là *Công ty cổ phần X có bà Nguyễn Thị Thúy D*, đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 09/06/2021 *Công ty cổ phần X* đã chuyển tiền ứng cho Hợp đồng mua bán thủy sản số 02-2021/XN3-NS ngày 03/06/2021 với số tiền 427.800.000 đồng theo giấy ủy nhiệm chi ngày 09/6/2021. Ngày 08/07/2021 *Công ty cổ phần X* đã chuyển tiền ứng cho Hợp đồng mua bán thủy sản số 03-2021/XN3-NS ngày 30/06/2021 với số tiền 736.000.000 đồng, theo giấy ủy nhiệm chi ngày 07/7/2021. Tuy nhiên đến nay, Công ty Cổ phần S không thực hiện giao hàng hóa theo đúng quy định của hợp đồng đã ký kết. Ngày 15/8/2022 *Công ty cổ phần X* đã nhờ thừa phát lại GDLập vi bằng giao thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa đề ngày 27/7/2022 cho Công ty Cổ phần S. Vì vậy, Công ty cổ phần X yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết những vấn đề sau đây:

Buộc Công ty Cổ phần S phải hoàn trả cho Công ty cổ phần X số tiền đã ứng là 1.163.800.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn.*)

Công ty cổ phần X không yêu cầu Công ty Cổ phần S trả lãi số tiền trên.

* **Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho Công ty Cổ phần S và bà Nguyễn Thị Ngọc G là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần S các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải theo quy định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng Công ty Cổ phần S và bà Nguyễn Thị Ngọc G không đến làm việc và hòa giải nên không ghi được ý kiến của Công ty Cổ phần S và bà Nguyễn Thị Ngọc G. Ngày 10/8/2023, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là Công ty Cổ phần S và bà Nguyễn Thị Ngọc G vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, đồng thời đại diện nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

* **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn Công ty cổ phần X yêu cầu Công ty Cổ phần S hoàn trả cho Công ty cổ phần X số tiền đã ứng là 1.163.800.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn.*) Trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty Cổ phần S và bà Nguyễn Thị Ngọc G đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên

hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty Cổ phần S do bà Nguyễn Thị Ngọc G đại diện theo pháp luật phải trả cho Công ty cổ phần X số tiền nợ gốc là 1.163.800.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn.)

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Căn cứ vào Công văn số 3992/ĐKKD-T6 ngày 17/5/2023 của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp của Công ty Cổ phần S, căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần S có cơ sở xác định: Công ty Cổ phần S, hiện do bà Nguyễn Thị Ngọc G đại diện theo pháp luật, có địa chỉ trụ sở chính tại 49 Bến BD, phường M, Quận T, Thành phố M. Đến nay công ty chưa đăng ký giải thể nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc G đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy :

Ngày 09/6/2021 Công ty cổ phần X có chuyển cho Công ty Cổ phần S số tiền 427.800.000 đồng vào tài khoản số 0181003477739 tại Ngân hàng Thương Mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Nam Sài Gòn, tên đơn vị thụ hưởng là Công ty Cổ phần S theo giấy ủy nhiệm chi ngày 09/6/2021 để thực hiện Hợp đồng mua bán thủy sản số 02-2021/XN3-NS ngày 03/06/2021. Ngày 07/7/2021 Công ty cổ phần X có chuyển cho Công ty Cổ phần S số tiền 736.000.000 đồng vào tài khoản số 181003477739 tại Ngân hàng Thương Mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Nam Sài Gòn, tên đơn vị thụ hưởng là Công ty Cổ phần S theo giấy ủy nhiệm chi ngày 07/7/2021 để thực hiện Hợp đồng mua bán thủy sản số 03-2021/XN3-NS ngày 30/06/2021. Tổng số tiền mà Công ty cổ phần X đã ứng cho Công ty Cổ phần S là 1.163.800.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn.). Tuy nhiên đến nay, Công ty Cổ phần S vẫn không thực hiện giao hàng hóa theo đúng quy định của hợp đồng đã ký kết. Ngày 15/8/2022 Công ty cổ phần X đã nhờ thừa phát lại GD lập vi bằng giao thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa đề ngày 27/7/2022 cho Công ty Cổ phần S.

Xét, Hợp đồng mua bán thủy sản số 02-2021/XN3-NS ngày 03/06/2021 các bên thỏa thuận thời hạn giao hàng chậm nhất là ngày 10/7/2021 tại kho bên A tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hợp đồng mua bán thủy sản số 03-2021/XN3-NS ngày 30/06/2021, các bên thỏa thuận thời hạn giao hàng chậm nhất là ngày 15/7/2021 tại kho bên A tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy **phía Công ty cổ phần X** đã tạm ứng **cho Công ty Cổ phần S** số tiền là 1.163.800.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn.*) để thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên đến nay, Công ty Cổ phần S vẫn không thực hiện việc giao hàng hóa theo đúng quy định của hợp đồng đã ký kết là vi phạm Điều 37 Luật Thương Mại năm 2005. Nên Công ty cổ phần X **yêu cầu Công ty Cổ phần S trả lại số tiền mà Công ty cổ phần X** đã ứng là 1.163.800.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn*) là có cơ sở chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: Việc tạm ứng tiền đã lâu nhưng đến nay **Công ty Cổ phần S** vẫn không trả cho **Công ty cổ phần X** tiền tạm ứng, nếu kéo dài sẽ gây thiệt hại quyền lợi của **Công ty cổ phần X**, do đó chấp nhận yêu cầu của **Công ty cổ phần X** buộc **Công ty Cổ phần S** phải trả ngay cho **Công ty cổ phần X** số tiền đã ứng là 1.163.800.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn.*) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tiền lãi, ghi nhận **Công ty cổ phần X** không yêu cầu **Công ty Cổ phần S** trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét tiền lãi.

Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **bà Nguyễn Thị Ngọc G** đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng, chứng tỏ bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình được qui định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án qui định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: **Công ty Cổ phần S** chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải trả cho **Công ty cổ phần X** là 46.914.000 đồng (*bốn mươi sáu triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng*).

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 24; Điều 34, 37, Điều 50; Điều 55 Luật Thương Mại năm 2005,

Căn cứ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/2/2009.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần X.

- Buộc Công ty Cổ phần S do bà Nguyễn Thị Ngọc G làm giám đốc có nghĩa vụ trả ngay cho Công ty cổ phần X số tiền 1.163.800.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn.*) theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 09/6/2021 để thực hiện Hợp đồng mua bán thủy sản số 02-2021/XN3-NS ngày 03/06/2021 và Giấy ủy nhiệm chi ngày 07/7/2021 để thực hiện Hợp đồng mua bán thủy sản số 03-2021/XN3-NS ngày 30/06/2021.

- Ghi nhận Công ty cổ phần X không yêu cầu Công ty Cổ phần S trả lãi số tiền nợ trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần S chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là 46.914.000 đồng. (*Bốn mươi sáu triệu, chín trăm mười bốn nghìn đồng*) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.457.000 đồng (*Hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0017959 ngày 05/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Nguyễn Thị Thanh Chi

**Thẩm phán –
Chủ tọa phiên tòa**

Các Hội thẩm nhân dân

Nguyễn Thị Thanh Chi

